

Số: **05** /KH-UBND

Hải Phòng, ngày **05** tháng **01** năm **2019**

KẾ HOẠCH

Quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, các tổ chức và cá nhân về ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường do chất thải rắn gây ra, làm thay đổi từ nhận thức thành hành động cụ thể để hạn chế dần việc phát thải, phân loại rác thải tại nguồn, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải phù hợp với công nghệ được lựa chọn.

- Hướng tới tăng cường sản xuất và tiêu dùng bền vững, góp phần thực hiện các mục tiêu của Chiến lược Quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Khuyến khích, tạo mọi điều kiện cho các tổ chức, cá nhân phân loại rác thải tại nguồn, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải.

2. Yêu cầu:

- Cụ thể hoá các nội dung để thực hiện Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tập trung chỉ đạo, phát huy cao vai trò, trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân nhằm triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Kế hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thực hiện các nội dung quản lý tổng hợp chất thải rắn phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch bảo vệ môi trường của thành phố.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

- Phòng ngừa, kiểm soát, hạn chế về cơ bản mức độ phát sinh chất thải rắn gia tăng, giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường do chất thải rắn gây ra, góp phần bảo vệ sức khỏe con người, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng

tới mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

- Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn, tiến hành đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn; mở rộng mạng lưới thu gom chất thải rắn; thúc đẩy phân loại chất thải rắn tại nguồn với phòng ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân, nước ngoài trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, thân thiện môi trường; lựa chọn các công nghệ xử lý chất thải rắn kết hợp với thu hồi năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, an toàn và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; phát triển ngành công nghiệp tái chế, khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm từ quá trình xử lý chất thải rắn.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

2.1. Về chất thải rắn nguy hại (sau đây gọi là CTRNH):

- 100% tổng lượng CTRNH phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế, làng nghề phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- 85% CTRNH phát sinh tại các hộ gia đình, cá nhân phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- 100% các nhà sản xuất thiết bị điện tử phải thiết lập và công bố các điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ theo quy định của pháp luật.

2.2. Về chất thải rắn sinh hoạt đô thị (sau đây gọi là CTRSHĐT):

- 97% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom trên địa bàn 07 quận, tỷ lệ rác thải sinh hoạt đô thị thu gom được xử lý hợp vệ sinh đạt 100%, đáp ứng nhu cầu bảo vệ môi trường, tăng cường khả năng tái chế, tái sử dụng, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ; phấn đấu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ dưới 30% so với lượng chất thải được thu gom.

- Giảm 50% khối lượng túi ni lông khó phân hủy sử dụng tại các siêu thị, trung tâm thương mại; thu gom 50% khối lượng túi ni lông khó phân hủy phát sinh trong sinh hoạt.

- 90-95% các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị đã đóng cửa được cải tạo, xử lý, tái sử dụng đất.

- Việc đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý CTRSHĐT đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%.

2.3. Về chất thải rắn sinh hoạt nông thôn (sau đây gọi là CTRSHNT):

- 90% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tự xử lý hoặc xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; tận dụng tối đa lượng chất thải hữu cơ để tái sử dụng,

tái chế, làm phân compost hoặc tự xử lý tại các hộ gia đình thành phân compost để sử dụng tại chỗ.

- 95% các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tạm thời tại khu vực nông thôn đã đóng cửa được cải tạo, xử lý, tái sử dụng đất; phần đầu 100% các bãi chôn lấp chất thải tự phát không thuộc quy hoạch phải được xử lý đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Việc đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý CTRSHNT phải đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%.

2.4. Về chất thải rắn công nghiệp thông thường (sau đây gọi là CTRCNTT):

- 100% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và làng nghề phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- 80% tổng lượng tro, xỉ, thạch cao phát sinh từ các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón được tái chế, tái sử dụng và xử lý làm nguyên liệu sản xuất, vật liệu xây dựng, san lấp,... đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

2.5. Về chất thải rắn đặc thù khác:

- 90% tổng lượng chất thải rắn xây dựng (sau đây gọi là CTRXD) phát sinh tại các đô thị được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, trong đó 60% được tái sử dụng hoặc tái chế thành các sản phẩm, vật liệu tái chế bằng các công nghệ phù hợp.

- 100% bùn bể tự hoại thu gom tại đô thị được xử lý đảm bảo môi trường.

- 80% chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, gia súc, gia cầm phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế làm phân compost, biogas và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- 80% các phụ phẩm nông nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- 100% các bao bì đựng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật dùng trong nông nghiệp phải được thu gom, lưu giữ và được xử lý theo quy định của pháp luật.

- 100% lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3. Tầm nhìn tới năm 2050:

Phần đầu tới năm 2050, tất cả các loại chất thải rắn phát sinh đều được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý bằng những công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, hạn chế khối lượng chất thải rắn phải chôn lấp đến mức thấp nhất.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đánh giá chung về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố:

1.1. Chất thải rắn sinh hoạt đô thị:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị thu gom tại 07 quận trên địa bàn thành phố khoảng 1.100 tấn/ngày (đạt 97,5%); Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị thu gom được xử lý hợp vệ sinh đạt 100%.

- Hiện nay, trên địa bàn thành phố có 4 đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng thu gom trên địa bàn 4 quận: Lê Chân, Hồng Bàng, Hải An, Ngô Quyền và 1 phần huyện An Dương; xử lý rác thải trên địa bàn 07 quận: Lê Chân, Hồng Bàng, Hải An, Ngô Quyền, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn và huyện An Dương.

Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng thu gom rác thải trên địa bàn quận Kiến An.

Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thu gom rác thải trên địa bàn quận Đồ Sơn và một phần quận Dương Kinh và xử lý rác thải trên địa bàn 02 quận: Đồ Sơn, Dương Kinh (rác thải trên địa bàn quận Dương Kinh và Đồ Sơn chuyển về xử lý tại bãi rác Đình Vũ từ ngày 15/9/2018).

Hợp tác xã Môi trường và Dịch vụ thương mại Thành Vinh thu gom rác thải trên địa bàn một số phường thuộc quận Dương Kinh.

- Công nghệ xử lý chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt đô thị trên địa bàn thành phố được xử lý chủ yếu theo phương thức chôn lấp hợp vệ sinh tại 02 khu xử lý: Tràng Cát, Đình Vũ. Riêng khu xử lý rác Đình Vũ ngoài chôn lấp hiện đã áp dụng thử nghiệm mô hình xử lý rác Fukuoka của Nhật Bản, tuy nhiên do điều kiện về hạ tầng kỹ thuật nên mô hình này mới ở hình thức thử nghiệm.

1.2. Đối với chất thải rắn sinh hoạt nông thôn:

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của 08 huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng khoảng 220.776 tấn/năm; tỷ lệ thu gom, xử lý đạt khoảng 87,2%.

- Đến đầu năm 2017, trên địa bàn thành phố có 156 bãi rác tại 101 xã (trong đó huyện An Lão có 24 bãi rác; Kiến Thụy có 26 bãi rác; Tiên Lãng có 26 bãi rác; Thủy Nguyên có 17 bãi rác; Cát Hải có 03 bãi rác; An Dương có 02 bãi rác; Vĩnh Bảo có 50 bãi rác), các địa phương đã tổ chức thực hiện xử lý chôn lấp được 140 bãi rác/100 xã (đạt tỷ lệ 90% số bãi), còn lại 16 bãi chưa được xử lý (gồm: Cát Hải 1 bãi, Kiến Thụy 5 bãi, Vĩnh Bảo 10 bãi); có 33/156 bãi rác tạm đã ngừng chôn lấp rác (đạt tỉ lệ 22%); rác thải sinh hoạt nông thôn được xử lý bằng biện pháp chôn lấp đơn giản, chưa đạt tiêu chuẩn về kỹ thuật và môi trường trong khâu xử lý.

Số doanh nghiệp tham gia dịch vụ thu gom, vận chuyển là 10 tổ chức (03 Hạt quản lý đường bộ, 6 doanh nghiệp và 01 Hợp tác xã). Ký kết hợp đồng dịch vụ cho 62 xã tại 6 huyện, tổng lượng rác được thu gom, vận chuyển, xử lý tập trung khoảng 186 tấn/ngày (chiếm 38,5% rác khu vực nông thôn) trong đó có 06 xã, thị trấn (lượng rác khoảng 23 tấn/ngày) rác thải được xử lý bằng lò đốt (chiếm 12,36% lượng rác xử lý tập trung).

1.3. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Hàng năm, khoảng 400 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có báo cáo tình hình phát sinh và quản lý chất thải. Qua theo dõi thống kê, năm 2016, chất thải

công nghiệp thông thường phát sinh với tổng khối lượng 2.508.000 tấn; năm 2017 khoảng 2.495.000 tấn. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phân loại, lưu giữ tại cơ sở về cơ bản đã đúng quy định.

Hiện nay, toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường được 07 đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại gồm: Công ty TNHH Tân Thuận Phong; Công ty Cổ phần Thương mại Hải Đăng; Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Sản xuất Đại Thắng; Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Toàn Thắng; Công ty Cổ phần Hòa Anh; Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng; Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hải Phòng và các đơn vị thu mua phế liệu nhỏ lẻ thu gom. Ngoài ra, một số doanh nghiệp hợp đồng với đơn vị khác ngoài thành phố để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp thông thường.

1.4. Đối với chất thải rắn nguy hại:

- Kết quả tổng hợp số liệu chất thải nguy hại của các cơ sở sản xuất kinh doanh với lượng chất thải nguy hại phát sinh hàng năm tăng dần cụ thể như sau:

Năm	2014	2015	2016	2017
	Khối lượng			
CTNH phát sinh (kg)	3.288	7.262,90	8.460,89	14.435,721
CTNH được thu gom xử lý (kg)	2.987	6.426,09	7.614,80	14.001,11
Tỷ lệ CTNH được thu gom, xử lý (%)	91	88	90	97

Chất thải nguy hại cơ bản được các chủ nguồn thải phân loại, lưu giữ đúng quy định theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, còn nhiều doanh nghiệp chưa thu gom triệt để, lưu giữ tạm thời CTNH chưa đúng quy định do ý thức hoặc do chưa cập nhật các văn bản pháp luật quy định.

- Tổng lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn thành phố trung bình khoảng 787,91 kg/ngày, trong đó:

+ 09 bệnh viện tuyến thành phố; 16 bệnh viện đa khoa quận/huyện và Trung tâm y tế có giường bệnh phát sinh khoảng 701,32 kg/ngày (chiếm 89,01%).

+ 08 bệnh viện trực thuộc các Bộ, ngành đóng trên địa bàn thành phố phát sinh khoảng 40,1 kg/ngày (chiếm 5,09%).

+ 11 trung tâm y tế dự phòng (01 trung tâm y tế dự phòng thành phố và 10 trung tâm y tế quận/huyện không có giường bệnh) phát sinh khoảng 5,93 kg/ngày (chiếm 0,75%).

+ 15 trung tâm y tế chuyên khoa và các đơn vị trực thuộc phát sinh khoảng

0,45 kg/ngày (chiếm 0,06%).

+ 224 trạm y tế xã/phường/thị trấn phát sinh khoảng 13,85 kg/ngày (chiếm 1,76%).

+ 06 bệnh viện đa khoa tư nhân phát sinh khoảng 26,71 kg/ngày (chiếm 3,36%).

2. Nội dung nhiệm vụ:

2.1. Nội dung thực hiện đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt đến năm 2020; hạn chế và tiến tới chấm dứt việc nhập khẩu, sản xuất và cung cấp các loại túi nilon khó phân hủy kể từ năm 2026 tại các trung tâm thương mại, siêu thị phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

- Xây dựng các mô hình xã hội hóa trong công tác thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn; thành lập các tổ chức hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, quản lý con người, tài sản, có sự đầu tư mua sắm xe chuyên dụng, xe đẩy thu gom rác để mở rộng địa bàn, nâng cao tỷ lệ thu gom.

- Thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn kết hợp với thu hồi năng lượng nhằm tiết kiệm tài nguyên, hạn chế gây ô nhiễm môi trường do chất thải gây ra.

- Xây dựng kế hoạch và từng bước triển khai có hiệu quả chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và năng lực quản lý chất thải rắn của từng địa bàn quận/huyện.

- Lựa chọn các công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường phù hợp với đặc thù, tính chất chất thải và đặc điểm của từng địa phương.

- Cải tạo nâng cấp các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh, các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái do chất thải rắn đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường; xử lý triệt để các bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt tự phát và ngăn chặn kịp thời việc hình thành các bãi chôn lấp tự phát, không để phát sinh sau năm 2025.

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư, tăng cường xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đồng thời xây dựng lộ trình giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương đảm bảo chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển tiến tới bù đắp chi phí xử lý, giảm dần hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; tổ chức thí điểm thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng chất thải.

- Xây dựng lộ trình, kế hoạch và triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước cung cấp dịch vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Hướng dẫn thực hiện các dự án đầu tư phát triển và quản lý vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng về phòng ngừa, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn, hình thành lối sống thân thiện với môi trường.

2.2. Nội dung thực hiện đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý và kiểm soát từ nguồn thải đến phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải rắn công nghiệp thông thường; ưu tiên xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế tối đa lượng chất thải phải chôn lấp.

- Tăng cường tái chế, tái sử dụng tro, xỉ, thạch cao làm nguyên liệu sản xuất, vật liệu xây dựng, san lấp đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên triển khai các hoạt động đồng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại các cơ sở sản xuất.

- Tiếp tục triển khai sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm hạn chế phát thải chất thải rắn ra môi trường.

2.3. Nội dung thực hiện đối với chất thải rắn nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại được quản lý và kiểm soát chặt chẽ từ nguồn thải đến thu gom, vận chuyển và xử lý cuối cùng. Đa dạng hóa công nghệ xử lý chất thải rắn nguy hại bằng các công nghệ tiên tiến, hiện đại.

- Các nhà sản xuất thiết bị điện tử phải thiết lập và công bố các điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ theo quy định của pháp luật. Người tiêu dùng có trách nhiệm chuyển các sản phẩm thải bỏ đến điểm thu hồi hoặc chuyển cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải theo đúng quy định của pháp luật để chuyển đến các điểm thu hồi theo quy định.

- Khuyến khích thu gom, xử lý chất thải nguy hại liên vùng, liên tỉnh; xây dựng, phát triển các cơ sở xử lý chất thải nguy hại tập trung, quy mô vùng tỉnh, vùng liên tỉnh theo quy hoạch quản lý chất thải rắn được phê duyệt, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; hạn chế phát triển và giảm dần về số lượng những cơ sở xử lý có quy mô nhỏ, phân tán có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích xây dựng các cơ sở xử lý, tái chế chuyên sâu đối với các loại chất thải nguy hại đặc thù đồng thời với việc phát triển các cơ sở xử lý có khả năng tái chế, xử lý đa dạng các loại chất thải nguy hại khác nhau; tăng cường việc chuyển giao chất thải giữa các cơ sở xử lý chất thải để tận dụng thế mạnh của mỗi cơ sở trong quá trình xử lý.

- Hạn chế và tiến tới loại bỏ việc tự xử lý chất thải nguy hại tại nơi phát sinh có sử dụng công nghệ đốt hoặc chôn lấp.

- Ưu tiên hoạt động đồng xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật nhằm hạn chế tối đa việc tiêu hủy chất thải trong lò đốt chất thải chuyên dụng.

- Tăng cường việc tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại; hạn chế việc cấp phép xử lý bằng biện pháp chôn lấp, hóa rắn đối với các loại chất thải nguy hại có khả năng tái chế, tái sử dụng.

- Đẩy mạnh việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch thu gom, vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển chất thải nguy hại tại các địa phương, bảo đảm phù hợp với điều kiện của địa phương và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm tăng cường việc thu gom, xử lý đối với chất thải nguy hại phát sinh từ các chủ nguồn thải có khối lượng phát sinh thấp hoặc chủ nguồn thải chất thải nguy hại ở vùng sâu, vùng xa.

- Khuyến khích xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình tập trung, hạn chế việc xử lý chất thải y tế phân tán tại các bệnh viện; ưu tiên xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng phương pháp không đốt, đặc biệt là việc tự xử lý chất thải y tế lây nhiễm tại nơi phát sinh; giảm dần về số lượng và hạn chế đầu tư mới lò đốt chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế cấp huyện.

2.4. Nội dung thực hiện đối với các chất thải rắn đặc thù khác:

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh phải được thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý bằng công nghệ phù hợp; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tái chế chất thải rắn xây dựng.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, gia súc, gia cầm phải được thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý; ưu tiên cao nhất cho việc sản xuất phân compost và biogas.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Tăng cường các hoạt động thu gom, xử lý các bao bì đựng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật dùng trong nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường các hoạt động thu gom, xử lý phân bùn bể tự hoại đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; ưu tiên áp dụng các công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ và tận thu năng lượng đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

3. Giải pháp thực hiện:

3.1. Hoàn thiện hệ thống chính sách về quản lý chất thải rắn:

- Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện điều chỉnh thu phí vệ sinh trên địa bàn nông thôn; quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt khu vực đô thị; giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải y tế nguy hại, rác thải nguy hại; quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn; quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng đến năm 2025 đảm bảo phù hợp, sát với thực tế.

- Trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành các Nghị quyết với các nội dung về quản lý, xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố đến năm 2025.

3.2. Tăng cường nghiên cứu khoa học, hiện đại hóa công nghệ và sản xuất thiết bị tái chế, xử lý chất thải rắn:

- Tăng cường nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến về tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn, đặc biệt ưu tiên phát triển công nghệ thu hồi năng lượng, phát điện từ xử lý chất thải rắn.

- Đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ trọng điểm cấp quốc gia, cấp bộ về quản lý tổng hợp chất thải rắn; chú trọng việc hoàn thiện dây chuyền công nghệ, thiết bị trong nước để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

- Nghiên cứu và ứng dụng các chỉ tiêu, tiêu chuẩn trong việc lựa chọn công nghệ, thiết kế, xây dựng và vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn.

- Nghiên cứu cải tiến và ứng dụng các trang thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm mỹ quan và hiệu quả sử dụng.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu các công nghệ xử lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện địa phương.

3.3. rà soát, điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn:

- Thực hiện hoàn thiện điều chỉnh Quy hoạch xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2050; Quy hoạch mạng lưới thu gom chất thải rắn trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2050.

- Rà soát, điều chỉnh, lập các kế hoạch đầu tư, phát triển cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch đã được phê duyệt, xác định nhu cầu đầu tư, các dự án ưu tiên đầu tư và các nhiệm vụ theo từng giai đoạn của quy hoạch hoặc kế hoạch của thành phố.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch quản lý chất thải rắn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.4. Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về chất thải rắn cấp địa phương (xây dựng phần mềm và đào tạo, tập huấn về công tác thu thập số liệu, báo cáo).

3.5. Phát triển nguồn nhân lực thực hiện:

- Tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn cho cán bộ tham gia quản lý chất thải rắn, môi trường tại các quận, huyện, xã, phường, thị trấn và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố.

- Củng cố, mở rộng các trường đào tạo nghề, trung tâm dạy nghề,... nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề phục vụ yêu cầu quản lý, vận hành, duy tu và bảo dưỡng các cơ sở xử lý chất thải rắn.

3.6. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức:

- Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng ở các trường học, cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước, các cơ sở sản

xuất, kinh doanh dịch vụ về giảm thiểu, phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, thải bỏ chất thải rắn đúng nơi quy định.

- Xây dựng chương trình giáo dục về môi trường với nội dung và thời lượng phù hợp với nhận thức của từng lứa tuổi tại các cấp học phổ thông.

- Đưa nội dung quản lý chất thải rắn bao gồm ngăn ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải rắn, sử dụng các nguyên liệu thân thiện với môi trường, thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo đúng quy định vào chương trình tập huấn, bồi dưỡng đào tạo cán bộ tại các cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

3.7. Tăng cường trao đổi và hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ về đào tạo nâng cao năng lực, học tập kinh nghiệm, trợ giúp kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tài chính trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn.

3.8. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn kinh phí từ ngân sách thành phố: Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương; vốn vay từ các tổ chức tín dụng, Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ bảo vệ môi trường địa phương, hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp tác khác, đảm bảo cho việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch.

- Nguồn kinh phí từ xã hội hóa: Huy động từ các chủ nguồn thải và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

- Nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án hợp tác quốc tế: Từ các cơ quan, tổ chức Hợp tác quốc tế tại Việt Nam.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các Sở, ngành, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được phân công (theo Bảng Phụ lục kèm theo Kế hoạch này), chủ động xây dựng Chương trình thực hiện Kế hoạch; hằng năm trước ngày 15/11 báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo thành phố).

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổng kết, đánh giá, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

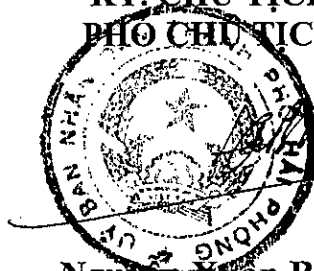
3. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét giải quyết. /

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Tổng cục Môi trường;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ngành: TNMT, NNPTNT, XD, YT, TC, KH-CN, TTTT, GD&ĐT, NV;
- UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- P: XDGCT, NNTNMT;
- CV: XD2, MT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Bình

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN QUẢN LÝ TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN
ĐẾN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
(Kèm theo Kế hoạch số 05 /KH-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Stt	Nội dung và cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Sở Tài nguyên và Môi trường		
1	Tổng kết, đánh giá, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch quản lý, xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch.	Các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Y tế; Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân các quận huyện.	2019-2025
2	Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt đến năm 2020	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các quận huyện.	2020
3	Tổ chức thực hiện kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn thành phố.	Sở Y tế; Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
4	Tuyên truyền, hướng dẫn các quy định cụ thể về quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố; các quy định về thu hồi sản phẩm thải bỏ khi có hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Các Sở, ngành: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Thông tin và Truyền thông. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
5	Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa	Các Sở, ngành: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng.	2019-2025

	bàn và các tổ chức, cá nhân có phát sinh lượng chất thải lớn; kiểm tra, thanh tra việc thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ trên địa bàn; có biện pháp xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.	Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	
6	Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; báo cáo đột xuất theo yêu cầu.	Các Sở, ngành: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	2019-2025
II	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
1	Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm xử lý chất thải rắn cho các điểm dân cư nông thôn	Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
2	Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp xử lý chất thải rắn nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
3	Tổ chức hướng dẫn kỹ thuật chi tiết trong việc thu gom, lưu giữ chất thải phát sinh trong các hoạt động nông nghiệp; thu gom, lưu giữ bao bì, hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc thú y trong hoạt động nông nghiệp; chất thải làng nghề; báo cáo công tác quản lý chất thải do đơn vị phụ trách.	Sở Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
4	Thực hiện Nghị quyết số 09/2010/NQ-HĐND ngày 15/7/2010 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ, giải pháp thu gom, xử lý chất thải rắn ở nông thôn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2010-2020	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan. Ủy ban nhân dân các quận huyện.	2019-2020.
III	Sở Xây dựng		
1	Tổ chức rà soát, đánh giá thực hiện các quy hoạch quản lý chất thải rắn do Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận huyện thực hiện rà	Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế.	2019-2025

	soát, điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn, nội dung quy hoạch chất thải rắn trong quy hoạch của địa phương; xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch được phê duyệt.	Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	
2	Rà soát, cập nhật, đề xuất ban hành đầy đủ đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị trên cơ sở định mức của Bộ Xây dựng ban hành	Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
3	Chịu trách nhiệm chỉ đạo Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng, các doanh nghiệp thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn đô thị và nông thôn đảm bảo đúng quy định.	Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế. Ủy ban nhân dân các quận, huyện	2019-2025
4	Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình quản lý chất thải sinh hoạt đô thị, chất thải xây dựng; báo cáo đột xuất theo yêu cầu.	Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
IV	Sở Y tế		
1	Hướng dẫn các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện các quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019
2	Thanh tra, kiểm tra các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố về việc thực hiện quản lý chất thải y tế.	Sở Tài nguyên và Môi trường. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
3	Đầu mối tổ chức đào tạo, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố.	Sở Tài nguyên và Môi trường. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
4	Thống kê nguồn thải, đánh giá mức độ ô nhiễm, xử lý chất thải của bệnh viện, cơ sở y tế và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý	Sở Tài nguyên và Môi trường. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
5	Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế trên địa bàn thành phố theo quy định tại Điều 16 của Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025

	trường		
6	Rà soát, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố việc xây dựng lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường tại Trung tâm quân dân y Bạch Long Vỹ; nâng cấp lò đốt Bệnh viện đa khoa Đôn Lương đảm bảo đạt tiêu chuẩn; tiến tới xử lý tập trung chất thải y tế nguy hại tại 02 Bệnh viện Đa khoa Cát Bà và Bệnh viện Đa khoa Đôn Lương.	Sở Tài nguyên và Môi trường. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019
V	Sở Tài chính		
1	Cân đối, bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác quy hoạch, xây dựng các chương trình, dự án về quản lý, xử lý chất thải rắn phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; phối hợp tham mưu, đề xuất vốn đầu tư cho công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố theo đúng chương trình, kế hoạch và quy hoạch quản lý chất thải rắn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
2	Bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hằng năm của địa phương hỗ trợ cho việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt, cải tạo các bãi chôn lấp đã đóng cửa, xử lý các bãi chôn lấp chất thải tự phát phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
3	Bố trí kinh phí chi sự nghiệp môi trường để thực hiện các đề án, dự án chương trình và các nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
VI	Sở Khoa học và Công nghệ		
1	Tổ chức quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó ưu tiên cho các nhiệm vụ nghiên cứu, các dự án ứng dụng liên quan đến quản lý và xử lý chất thải rắn và làng nghề trên địa bàn thành phố.	Các Sở, ngành có liên quan. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025

2	Thực hiện tốt công tác thẩm định công nghệ và quản lý hoạt động chuyên giao công nghệ trong các dự án đầu tư về xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố.	Các Sở, ngành có liên quan. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
3	Tăng cường giám sát công nghệ, thiết bị trong quá trình thực hiện dự án đầu tư về xử lý chất thải rắn của các doanh nghiệp; Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lựa chọn ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải phù hợp.	Các Sở, ngành có liên quan. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
VII	Sở Thông tin và Truyền thông		
1	Thực hiện tuyên truyền, phổ biến các thông tin tài liệu về bảo vệ môi trường, đặc biệt là về thu gom, xử lý chất thải rắn thông qua các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân.	Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan liên quan	2019-2025
VIII	Sở Giáo dục và Đào tạo		
1	Kết hợp các nội dung giáo dục về môi trường trong đó có nội dung quản lý tổng hợp chất thải rắn vào chương trình giáo dục của nhà trường.	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	2019-2025
IX	Sở Nội vụ		
1	Rà soát, xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung chỉ tiêu, biên chế đối với các đơn vị còn thiếu nguồn nhân lực làm công tác quản lý môi trường nói chung và chất thải rắn nói riêng theo đề xuất của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	Các Sở, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	2019-2025
X	Ủy ban nhân dân các quận, huyện		

1	Xây dựng và ban hành Chương trình thực hiện Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý và quản lý tổng thể chất thải rắn trên địa bàn đảm bảo các quy định và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội cụ thể của địa phương.	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn	2019
2	Tổ chức tuyên truyền, nâng cao năng lực, nhận thức và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân về quản lý tổng hợp chất thải rắn và bảo vệ môi trường trên địa bàn.	Các Sở: Thông tin truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan.	2019-2025
3	Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã xây dựng quy chế quản lý, hương ước, quy ước nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý chất thải rắn và bảo vệ môi trường nông thôn.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.	2019-2025
4	Tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn quản lý.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.	2019-2025
5	Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân có phát sinh lượng chất thải lớn; có biện pháp xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan.	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.	2019-2025